

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 33/2014/QĐ -UBND

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 8 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chợ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Pháp lệnh số 38/2001/PL-UBTV-QH10 ngày 28/8/2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phí, lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số: 57/2002/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/11/2003 của Chính phủ về phát triển chợ; Thông tư số 67/2003/TT-BTC ngày 11/07/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính áp dụng cho Ban quản lý chợ, Doanh nghiệp kinh doanh, khai thác quản lý chợ;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí; Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC của Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 51/2014/NQ-HĐND ngày 25/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên khóa XII, kỳ họp thứ 10 Quy định điều chỉnh, bổ sung một số loại phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Công văn số 272/HĐND-KTNS ngày 29/8/2014 của Thường trực HĐND tỉnh về việc thống nhất triển khai thực hiện Nghị quyết số 51/2014/NQ-HĐND;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 1825/TTr-STC ngày 12/8/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức thu phí chợ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (Có Phụ lục chi tiết kèm theo Quyết định này).

Mức thu phí chợ quy định trên chưa bao gồm các khoản thu dịch vụ công cộng như: chi phí điện, nước, an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy và phí vệ sinh.

Điều 2. Đối tượng, phạm vi thu phí chợ

1. Các loại chợ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đều phải thực hiện theo quy định này;

2. Mọi tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động buôn bán, trao đổi hàng hoá, dịch vụ tại phạm vi chợ đều phải nộp phí chợ;

Đối với các trường hợp Ban quản lý chợ, Tổ quản lý chợ hoặc doanh nghiệp đầu tư kinh doanh chợ, thu tiền cho thuê diện tích bán hàng tại chợ theo hợp đồng kinh tế về cho thuê điểm kinh doanh thì phí chợ là khoản tiền cho thuê điểm kinh doanh bán hàng tại chợ (người thuê điểm kinh doanh tại chợ chỉ phải nộp một trong hai khoản: là phí chợ hoặc tiền thuê điểm kinh doanh theo hợp đồng);

Điều 3. Quy định về phân loại chợ, phân cấp thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chợ

A. Phân loại chợ:

1. Chợ được phân loại theo quy định tại Điều 3, Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ và Khoản 2, Điều 1, Nghị định số 114/2009/NĐ-CP ngày 23/12/2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 02/2003/NĐ-CP.

2. Vị trí kinh doanh trong chợ: Tùy thuộc vào từng địa điểm, vị trí kinh doanh thuận lợi và lợi thế thương mại của điểm kinh doanh bán hàng mà Ban quản lý chợ, Doanh nghiệp quản lý khai thác chợ xây dựng cụ thể theo 4 vị trí (Từ vị trí 1 đến vị trí 4) trình UBND các huyện, thành phố, thị xã Quyết định cho phù hợp với thực tế của từng loại chợ;

B. Phân cấp thu, nộp, quản lý, sử dụng tiền thu từ phí chợ

1. Chợ do Nhà nước đầu tư:

a) Chợ do Nhà nước đầu tư nhưng chưa tổ chức đấu thầu mà do Ban quản lý chợ, Tổ quản lý chợ quản lý khai thác thì Ban quản lý chợ, Tổ quản lý chợ là đơn vị được phép thu phí chợ. Số tiền thu được từ phí chợ là phí thuộc ngân sách nhà nước;

Trường hợp tổ chức thu phí đã được ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí cho hoạt động thu phí theo dự toán hàng năm được duyệt, thì khoản phí này phải nộp 100% vào ngân sách nhà nước theo chương, khoản, mục của mục lục ngân sách hiện hành;

Trường hợp tổ chức thu phí chưa được ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí cho hoạt động thu phí, hoặc tổ chức thu được uỷ quyền thu phí thì tổ chức thu phí được để lại một phần trong số tiền phí thu được, để trang trải chi phí cho việc thu phí theo quy định. Tỷ lệ để lại quy định tạm thời đối với chợ loại 1 là: 70%; chợ loại 2 là: 80%; chợ loại 3 là: 90% tính trên tổng số tiền thu được; phần tiền phí còn lại (Chợ loại 1 là: 30%; chợ loại 2 là: 20%; chợ loại 3 là: 10%) phải nộp vào ngân sách nhà nước theo chương, khoản, mục của mục lục ngân sách hiện hành. Hàng năm, tổ chức, cá nhân thu phí phải thực hiện lập báo cáo quyết toán với cơ quan nhà nước theo quy định.

b) Chợ do Nhà nước đầu tư nhưng đã tổ chức đấu thầu kinh doanh, khai thác, quản lý chợ, thì đơn vị trúng thầu là đơn vị được phép thu phí chợ. Số tiền thu được từ phí chợ là phí không thuộc ngân sách nhà nước; được xác định là doanh thu của tổ chức, cá nhân thu phí.

2. Đối với chợ do Nhà nước hỗ trợ đầu tư xây dựng có vốn đóng góp của các hộ kinh doanh, hợp tác xã, doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế và tổ chức, cá nhân khác:

Giao Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã căn cứ mức độ, tỷ lệ góp vốn và khả năng quản lý để lựa chọn tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện, năng lực để đấu thầu thu phí chợ. Số tiền thu được từ phí chợ là doanh thu của tổ chức, cá nhân thu phí.

3. Chợ không do nhà nước đầu tư:

Do doanh nghiệp, hợp tác xã hoặc tổ chức thuộc các thành phần kinh tế đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác chợ thì đơn vị đầu tư quản lý là đơn vị được phép thu phí chợ. Số tiền thu được từ phí chợ là doanh thu của tổ chức thu phí.

4. Quản lý phí chợ không thuộc ngân sách nhà nước:

Số tiền thu được từ phí chợ là phí không thuộc ngân sách nhà nước; được xác định là doanh thu của tổ chức, cá nhân thu phí. Các tổ chức, cá nhân thu phí có nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật. Hàng năm, tổ chức, cá nhân thu phí phải thực hiện quyết toán thuế đối với số tiền phí thu được cùng với kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh khác (nếu có) với cơ quan thuế.

5. Các khoản thu khác từ hoạt động chợ:

Trong quá trình quản lý, khai thác chợ, các tổ chức cá nhân được phép thu một số khoản thu có liên quan đến hoạt động khai thác chợ như: Phí trông giữ xe đạp, xe máy, xe ô tô; phí vệ sinh; phí phòng cháy, chữa cháy; tiền sử dụng điện, tiền sử dụng nước và các khoản khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh tại chợ. Việc tổ chức thu, nộp, quản lý, sử dụng các loại phí, tiền sử dụng điện, nước có liên quan trên phải thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 4. Chứng từ thu phí chợ

1. Đơn vị thu phí phải đăng ký với cơ quan Thuế mua hoặc in phát hành chứng từ thu theo quy định để cấp cho người nộp phí.

2. Cơ quan thuế có trách nhiệm hướng dẫn kiểm tra việc phát hành, quản lý, sử dụng chứng từ thu theo quy định hiện hành.

Điều 5. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn, các đơn vị được giao nhiệm vụ thu phí chợ trên địa bàn, thực hiện tổ chức thu, quản lý thu phí chợ theo đúng quy định.

Căn cứ mức thu phí quy định trên Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phí sử dụng diện tích bán hàng, quầy quán bán hàng từng vị trí cho từng chợ cụ thể báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh đồng thời gửi Sở Tài chính giám sát việc thực hiện;

2. Cơ quan Thuế có trách nhiệm hướng dẫn việc kê khai thuế, kiểm tra việc thu, nộp phí và quyết toán theo đúng quy định hiện hành.

3. Cơ quan Tài chính các cấp chủ trì phối hợp với các ngành, các đơn vị liên quan có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, kiểm soát tình hình thu, chi, công tác báo cáo, quyết toán phí theo đúng chế độ tài chính hiện hành áp dụng cho từng đơn vị.

4. Các đơn vị được giao nhiệm vụ thu phí chợ phải có trách nhiệm thông báo công khai, rộng rãi các mức thu phí, đối tượng thu phí; đồng thời thực hiện thu phí đúng đối tượng, đúng mức thu quy định, bảo đảm thuận tiện, không gây phiền hà, trở ngại đối với tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh, dịch vụ tại chợ. Khi thu tiền phải cấp chứng từ thu phí cho người nộp tiền phí đúng quy định;

Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến và đôn đốc các tổ chức, cá nhân kinh doanh tại chợ chấp hành theo quy định của pháp luật; đảm bảo vệ sinh môi trường, an ninh, an toàn phòng cháy chữa cháy tại chợ.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 9 năm 2014 và thay thế Quyết định 69/2008/QĐ-UBND ngày 24/12/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Điều chỉnh mức thu phí chợ trên địa bàn tỉnh Thái nguyên;

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài Chính, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nhữ Văn Tâm

Phụ lục
QUY ĐỊNH MỨC THU PHÍ CHỢ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 33/2014/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Số TT	Danh mục	Đơn vị tính	Mức thu (đã có thuế giá trị gia tăng)		
			Chợ loại I	Chợ loại II	Chợ loại III
I	Phí sử dụng diện tích bán hàng tại chợ do nhà nước xây dựng				
1	Vị trí 1	Đồng/m ² /tháng	100.000	65.000	25.000
2	Vị trí 2	Đồng/m ² /tháng	80.000	45.000	20.000
3	Vị trí 3	Đồng/m ² /tháng	60.000	35.000	15.000
4	Vị trí 4	Đồng/m ² /tháng	40.000	25.000	10.000
II	Phí sử dụng diện tích bán hàng do người bán hàng tự làm: Giảm 30% so với từng mức quy định cho từng vị trí do nhà nước xây dựng				
III	Phí cầu quán bán hàng do nhà nước xây dựng				
1	- Vị trí 1	Đồng/m ² /tháng	80.000	45.000	20.000
2	- Vị trí 2	Đồng/m ² /tháng	60.000	35.000	15.000
3	- Vị trí 3	Đồng/m ² /tháng	40.000	22.000	10.000
IV	Phí chợ tính theo ngày cho các hộ kinh doanh không ổn định				
1	- Hoa, quả, rau xanh các loại (lướt vào chợ).	Đồng/lướt	3.000	2.000	2.000
2	- Gia súc các loại (con vào chợ).	Đồng/con	2.000	1.000	1.000
3	- Gia cầm các loại (con vào chợ).	Đồng/con	500	500	500
4	- Bán buôn thường xuyên khác.	Đồng/lướt	3.000	2.000	2.000
V	Phí các loại phương tiện vào chợ để mua bán vận chuyển hàng hoá				
1	Xe đạp, xe đạp điện.	Đồng/lướt/xe	1.000	1.000	1.000
2	Xe mô tô 2 bánh, xe mô tô 3 bánh, xe gắn máy (kể cả xe máy điện).	Đồng/xe/lướt	2.000	2.000	2.000

Số TT	Danh mục	Đơn vị tính	Mức thu (đã có thuế giá trị gia tăng)		
			Chợ loại I	Chợ loại II	Chợ loại III
3	Xe ô tô dưới 12 chỗ ngồi và các loại xe chở hàng hóa dưới 02 tấn.	Đồng/xe/lượt	10.000	10.000	5.000
4	Xe ô tô từ 12 chỗ ngồi và các loại xe chở hàng hóa trên 02 tấn.	Đồng/xe/lượt ban ngày	20.000	15.000	10.000
		Đồng/xe/lượt buổi tối	30.000	15.000	10.000
5	Xe thô sơ các loại khác.	Đồng/xe/lượt	3.000	2.000	2.000
VI	Diện tích bán hàng do doanh nghiệp bỏ vốn đầu tư cho thuê nhằm mục đích kinh doanh thu hồi vốn, mức thu tối đa không vượt quá 02 lần so với biểu phí sử dụng diện tích bán hàng tại chợ do nhà nước xây dựng.				